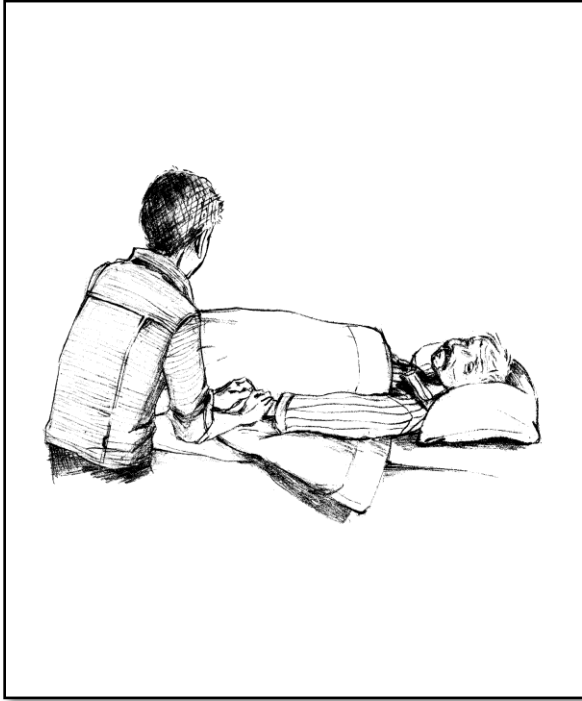


Bài 3: Ông Ấy Cần Tôi

Thứ Hai: Tập Đọc



Cô y tá dẫn một thanh niên tới bên giường bệnh của ông già. Cô nói:

– Ông ơi! Con trai ông đã tới đây này!

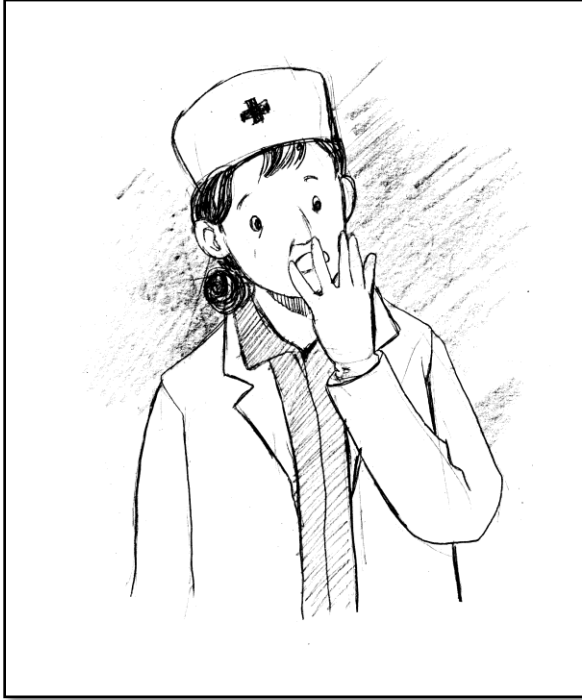
Cô phải nhắc lại nhiều lần ông già mới mở mắt ra nhìn. Ông bị ảnh hưởng thuốc mê và cơn đau nên chỉ nhìn thấy lờ mờ.

Ông giơ tay quờ quạng nắm lấy bàn tay người thanh niên, xiết chặt như cần một sự an ủi. Suốt đêm đó, người thanh niên ngồi giữ bàn tay ông già và nói những lời an ủi.

Sáng ra, người bệnh già thở hắt ra và chết. Khi cô y tá ngỏ lời chia buồn thì người thanh niên hỏi cô rằng:

– Ông ấy là ai vậy?





Cô y tá ngạc nhiên:

– Tôi tưởng ông ta là bố của anh?

Chàng thanh niên trả lời:

– Ông ta không phải là bố tôi. Tôi chưa hề gặp ông ta. Tôi vào thăm người bạn. Có lẽ cùng họ, nên cô dẫn nhầm tôi tới đây.

Cô y tá kêu lên:

– Sao không cho tôi biết khi tôi dẫn anh tới đây!

Chàng thanh niên chậm rãi:

– Khi tôi biết ông ta bệnh nặng khó qua khỏi, mà lại đang mong mỗi sự có mặt của người con trai chưa tới được, tôi cảm thấy ông ta rất cần tôi, nên tôi ở lại!



Chú Thích

Thuốc mê: <i>anaesthetic</i>	Lờ mờ: <i>not clear, fuzzy</i>
Quờ quạng: <i>groping</i>	Xiết chặt: <i>tighten</i>
An ủi: <i>console, comfort</i>	Mong mỏi: <i>long for, expect</i>

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Tình trạng sức khỏe của ông già như thế nào?

2. Cử chỉ của ông già ra sao khi người thanh niên đến thăm?

3. Người thanh niên đối xử với ông già như thế nào?

4. Vì sao người thanh niên ở lại với ông già suốt đêm?

5. Theo em cuộc sống sẽ ra sao nếu con người không quan tâm và giúp đỡ lẫn nhau?

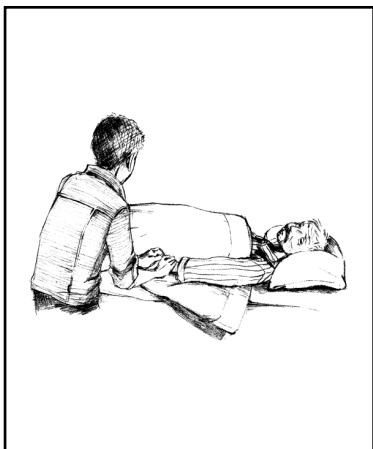
Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn nghĩa thích hợp những từ sau.)

- _____ 1. Ông bị ảnh hưởng **thuốc mê** và cơn đau nên chỉ nhìn thấy lơ mờ. Từ “**thuốc mê**” có nghĩa là:
- a. Thuốc làm cho ngủ. b. Thuốc làm cho tỉnh. c. Thuốc làm cho bớt nhức đầu.
- _____ 2. Ông giơ tay **quờ quạng** nắm lấy bàn tay người thanh niên... Từ “**quờ quạng**” có nghĩa là:
- a. Bắt tay. b. Quơ qua quơ lại để tìm. c. Vẫy tay để chào.
- _____ 3. Suốt đêm đó, người thanh niên ngồi giữ bàn tay ông già và nói những lời **an ủi**. Từ “**an ủi**” có nghĩa là:
- a. Chọc cho tức giận. b. Khuyên giải cho bớt buồn khổ. c. La mắng.
- _____ 4. Khi cô y tá **ngỏ** lời chia buồn thì người thanh niên hỏi cô rằng... Từ “**ngỏ**” có nghĩa là:
- a. Bày tỏ, nói ra. b. Im, không nói gì. c. Hết.
- _____ 5. Có lẽ cùng họ, nên cô dẫn **nhầm** tôi tới đây. Từ “**nhầm**” có nghĩa là:
- a. Đúng. b. Gần đúng. c. Lộn, sai.
- _____ 6. Khi tôi biết ông ta... đang **mong mỏi** sự có mặt của người con trai chưa tới được, tôi cảm thấy ông ta rất cần tôi... Từ “**mong mỏi**” có nghĩa là:
- a. Chờ đợi và ước muốn. b. Kể chuyện. c. Suy nghĩ.

Thứ Ba: Thêm Dấu

(Đọc các câu ở trang P-3 phần Phụ Lục của sách học cho các em thêm dấu.)



Co phai nhac lai nhieu lan ong gia moi mo mat ra nhin. Ong bi anh huong thuoc me va con dau nen chi nhin thay lo mo.



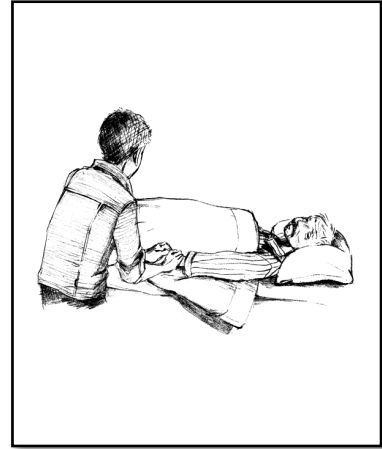
Ong gio tay quo quang nam lay ban tay nguoi thanh nien, xiet chat nhu can mot su an ui.



Ong ta khong phai la bo toi. Toi chua he gap ong ta. Toi vao tham nguoi ban.

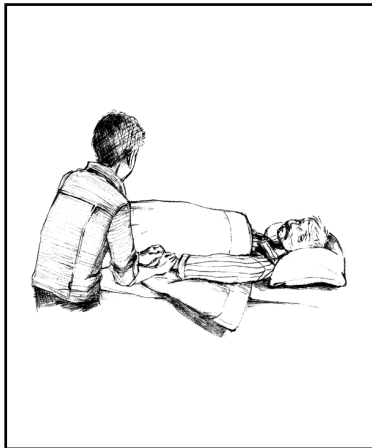
Thứ Tư: Chính Tả

(Đọc câu ở trang P-3 phần Phụ Lục của sách học cho các em viết chính tả.)



Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc các câu ở trang P-3 phần Phụ Lục của sách học cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)



Cô y tá dọn một thanh niên tới bên giường bệnh của ông già. (3 lỗi)

Suốt đêm đó, người thanh niên ngồi giữ bàn tay ông già và nói những lời an ủi. (3 lỗi)



Thứ Năm: Văn Phạm – Trạng Từ

(Cho các em thêm trạng từ vào những câu sau.)

1. Anh Hùng bước vào quán ăn, nhìn chung quanh rồi bước trở ra.

2. Đức chìa tay để hứng những giọt mưa từ mái nhà rơi xuống.

3. Mẹ đổ nước vào nồi rồi đặt lên bếp để đun cho sôi.

4. Khi thấy người lạ bước vào sân nhà, chú chó chạy ra, nhìn và sủa.

5. Đang viết bài, Quân nghe tiếng động, giật mình và quay lại nhìn.

Thứ Sáu: Đàm Thoại

(Giúp các em với cuộc đối thoại sau đây.)

Bắt:	<i>catch</i>	Lỗi:	<i>fault</i>
Ít nhất:	<i>at least</i>	Xin lỗi:	<i>apology</i>
Bồi thường:	<i>pay for damages</i>	Nợ:	<i>owe</i>

Tí và Tèo chơi banh làm bể kính cửa sổ của nhà hàng xóm...

Tèo: Ôi! Mình làm bể kính cửa sổ của họ rồi. Thôi chạy đi kẻo bị họ bắt được.
Oh, no! We broke their window. Let's run away before they catch us.

Tí: Không, mình không thể làm như vậy.
No, we cannot do that.

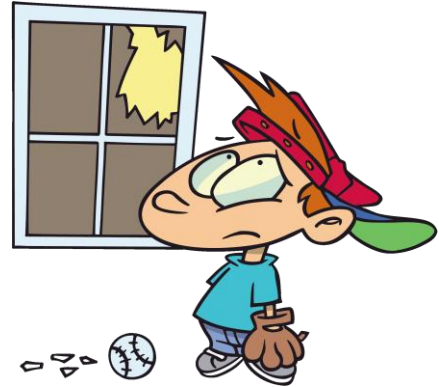
Tèo: Nhưng...
But...

Tí: Không nhưng gì cả! Đó là lỗi của mình. Ít nhất mình cũng phải xin lỗi họ.
No buts about it! That is our fault. At least we need to apologize to them.

Tèo: Nếu họ bắt mình bồi thường thì sao? Mình đâu có tiền để trả họ.
What if they make us pay for the damages? We don't have money to pay them.

Tí: Mình có thể cắt cỏ cho họ để trừ đi số tiền mình nợ họ.
We can mow their lawn to deduct the debt we owe them.

Tèo: Ủ, anh nói phải! Thôi mình đi nói chuyện với họ.
Yeah, you're right! Let's go talk to them.



Chuyển Ngữ

(Cho các em dịch những câu sau qua tiếng Việt.)

Don't worry:

đừng lo

Know:

biết

Courageous:

can đảm

Admit:

thừa nhận

I am sorry that I broke your window.

Don't worry about it. Thank you for letting me know.

You are courageous to admit your fault.

Chữ Ký Phụ Huynh: _____ Ngày _____

